TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-PT
Ngày: 26/5/2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Bà Võ Thị Hồng Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2023/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1940.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1976 - Theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2019. (có mặt)

Cùng cư trú: 73 B, thị trấn Ph, T, Bình Định.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1975 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1977

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu S: Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1979 - Theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019. (có mặt)

3. Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1979 (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng cứ trú: 75 B, thị trấn Ph, T, Bình Định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ: Luật sư Hồ

Thành Ph –Văn phòng Luật sư Thanh Ph thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bình Định; Địa chỉ: 53 L, TP. Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Bá L - Sinh năm 1958 (có mặt)

Cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định

2. Bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1954 (vắng mặt)

Cư trú: 36 Ng, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1957 (vắng mặt)

Cư trú: 220 Ph, TT Ph, huyện T, Bình Định

4. Bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1965 (có mặt)

Cư trú: 104 Qu, TT. Ph, huyện T, tỉnh Bình Định

5. Bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1965 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Cư trú: 55 V, TT Ph, huyện T, tỉnh Bình Định

6. Bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1967 (có mặt)

Cư trú: 354/1 Qu, TT. Ph, huyện T, tỉnh Bình Định

7. Ông Nguyễn Bá B - Sinh năm 1969

Cư trú: 64 B, TT. Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá B: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1976; Cư trú: 73 B, thị trấn Ph, T, Bình Định - theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2019. (có mặt)

8. Ông Nguyễn Bá D – Sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: 809 CT 1B V, Tr, quận N, Hà Nội.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị M là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M do bà Võ Thị Kim L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Bá T chết năm 1988, cụ Nguyễn Thị Qu chết năm 1993, cha mẹ bà có 10 người con chung: Bà (Nguyễn Thị M); ông Nguyễn Bá B (ông B chết năm 2015, vợ Nguyễn Thị Nh chết năm 2017, ông B và bà Nh có 04 người con: Bà Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Bá Đ, bà Nguyễn Thị Thu H); Ông Nguyễn Bá L; Bà Nguyễn Thị C; Nguyễn Thị Th; Nguyễn Thị Th; Nguyễn Thị Th; Nguyễn Thị Th; Ông Nguyễn Bá B; Nguyễn Bá D.

Khi còn sống cha mẹ bà có tạo lập được nhà và đất tại địa chỉ 73 và 75 B, thị trấn Ph, T, Bình Định, thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 26. Cha mẹ bà khi còn sống có cho bà phần phía trước mặt đường B với diện tích 27m^2 là nhà 73 B hiện bà đang sử dụng, bà đã xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1978 cho đến nay. Phần

phía sau nhà là nhà 75 B cha mẹ bà cho ông Nguyễn Bá B sử dụng có diện tích 137m^2, ông B chết hiện nay các con của ông B đang quản lý, sử dụng. Nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với nhà và đất tại địa chỉ 73 và 75 B có tổng diện tích là 164m^2.

Các đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Thị Thu H thống nhất trình bày:

Các ông bà là con của ông Nguyễn Bá B. Ông bà nội của các ông bà là Nguyễn Bá T chết năm 1988 và Nguyễn Thị Q chết năm 1993, ông bà nội có 10 người con gồm: Bà Nguyễn Thị M; Ông Nguyễn Bá B (cha chết năm 2015, mẹ Nguyễn Thị Nh chết năm 2017, ông ngoại Nguyễn H và bà ngoại Lương Thị Ch đều chết trước mẹ các ông bà), cha mẹ các ông bà có 04 người con: Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Bá Đ, bà Nguyễn Thị Thu H), Ông Nguyễn Bá L; Bà Nguyễn Thị C; Nguyễn Thị Th; Nguyễn Thị Th; Nguyễn Thị Th; Nguyễn Thị Th; Ông Nguyễn Bá B; Nguyễn Bá D. Ông bà nội không có con riêng nào khác, ông bà nội chết để lại miếng đất có diện tích 130,25m^2, ông nội chết không để lại di chúc nhưng bà nội Nguyễn Thị Q trước khi chết có để lại chúc thư cho cha các ông bà là ông Nguyễn Bá B. Nay cha mẹ các ông bà đã chết hiện nhà đất trên do các ông bà đang quản lý sử dụng. Nội dung chúc thư ngày 20/12/1992 ông bà nội để lại tài sản là nhà đất tại 73-75 B cho Nguyễn Bá B được hưởng, có những người chứng kiến: Nguyễn L (chết), Nguyễn Văn L (68 B, thị trấn Ph, T, Bình Định), Nguyễn Văn Th (113/19 Đ, thị trấn Ph, T, Bình Định), Nguyễn Bá L. Nay bà M yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thì các ông bà đồng ý chia phần di sản của ông nội Nguyễn T theo pháp luật, còn phần di sản của bà nội Nguyễn Thị Q chia theo chúc thư ngày 20/12/1992.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th thống nhất trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của cha mẹ và di sản của cha mẹ để lại là nhà và đất tại địa chỉ 73 và 75 B, thị trấn Ph, T, Bình Định, thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 26, diện tích 164m^2. Cha mẹ khi còn sống có cho bà M phần phía trước, mặt đường B, với diện tích 27m^2. Bà M đã xây dựng 01 ngôi nhà trên đất và sử dụng ổn định từ năm 1978 cho đến nay. Phần diện tích nhà và đất 137m^2 phía sau nhà là số 75 B do ông Nguyễn Bá B sử dụng. Sau khi vợ chồng ông B chết, các con của ông B quản lý, sử dụng phần nhà đất này. Năm 2017 bà M làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần nhà đang sử dụng, tất cả mọi người trong gia đình đều đồng ý, riêng 04 người con của ông B không đồng ý. Nay các bà yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ để lại theo pháp luật vì cha mẹ chết không để lại di chúc và kỷ phần được nhận các bà đồng ý cho bà M được sở hữu không yêu cầu thanh toán giá trị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Bá B thống nhất trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của cha mẹ và di sản của cha mẹ để lại cũng như giá trị. Đồng ý chia thừa kế tài sản của cha mẹ các ông bà để lại theo pháp luật vì cha mẹ chết không để lại di chúc

và kỷ phần được nhận các ông bà đồng ý cho bà M được sở hữu không yêu cầu thanh toán giá trị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Cha chết không để lại di chúc nhưng mẹ chết có để lại chúc thư ngày 20/12/1992 do mẹ ký xác nhận. Cha mẹ chết để lại nhà đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 26, diện tích 164m^2 tại địa chỉ 73 và 75 B, thị trấn Ph, T, Bình Định, 01 nhà bà M quản lý, 01 nhà các con ông B quản lý. Và thửa đất số 178, tờ bản đồ số 27 hiện do ông B đang quản lý (do các anh chị em thỏa thuận cho ông B, không yêu cầu chia). Bà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, phần di sản cha mẹ để lại bà nhận hiện vật và cho cháu Nguyễn Bá Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá L trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Cha mẹ ông có tạo lập một số tài sản để lại gồm: 01 thửa đất tại: 64 B, thị trấn Ph và ngôi nhà trên đất hiện do ông Nguyễn Bá B quản lý; 01 thửa đất tại: 73 B, thị trấn Ph và ngôi nhà trên đất, hiện do bà Nguyễn Thị M quản lý; 01 thửa đất tại: 75 B, thị trấn Ph và ngôi nhà trên đất, do ông Nguyễn Bá B sử dụng, ông B chết nên hiện nay do các con ông B quản lý. Cha ông chết không để lại di chúc nhưng mẹ ông trước khi chết có để lại di chúc ngày 20 tháng 12 năm 1992. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng di chúc của mẹ ông để lại và giải quyết theo quy định pháp luật, kỷ phần của ông được nhận ông tự nguyện tặng cho các cháu Th, S, Đ, H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá D trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của cha mẹ và di sản của cha mẹ để lại là nhà đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 26, diện tích 164m^2 tại địa chỉ 73 và 75 B, thị trấn Ph, T, Bình Định, 01 nhà bà M quản lý, 01 nhà các con ông B quản lý. Bà Nguyễn Thị M chồng chết nên không có nơi ở nên quay về nhà cha mẹ ở, thương con cha mẹ cho bà M ở để buôn bán nuôi con. Cha chết trước, mẹ chết sau có để lại chúc thư ngày 20/12/1992 do mẹ ký xác nhận với ý nguyện chỉ cho bà M tiếp tục ở nhà đất trên cho đến khi bà M chết thì trả lại cho ông B, ông B chết thì giao lại cho các con ông B theo quy định pháp luật chứ không cho quyền sử dụng đất bà M, việc bà M làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu công nhận chúc thư do mẹ ông lập ngày 20 tháng 12 năm 1992 là hợp pháp và giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số *17/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T quyết định:*

1. Bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất có diện tích 27m^2 tại số 73 B, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Bà Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ được quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất có diện tích 137,2m^2 tại số 75 B, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định. (Có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ liên đới có nghĩa vụ thanh toán cho:

- Bà Nguyễn Thị M số tiền 124.471.200 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

- Ông Nguyễn Bá D số tiền 52.245.200 đồng (Năm mươi hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm) đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 30/8/2022, bà Nguyễn Thị M gửi đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đến ngày 28/4/2023 bà M có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 26/8/2022 Bà Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ có đơn kháng cáo và ngày 10/9/2022 có đơn kháng cáo bổ sung cho rằng bản án sơ thẩm không hợp tình hợp lý không tính đến yếu tố nhà trước đường lớn thuận lợi hơn nhà sau hẻm nên yêu cầu đo đạt định giá xem lại giá trị ngôi nhà phía trước số 73 và ngôi nhà sau hẻm số 75; Đồng thời bà Th, bà S, bà H, ông Đ yêu cầu được nhận toàn bộ nhà và đất số 73, 75 và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M bằng giá trị, ngược lại nếu bà M không đồng ý thì bà Th, bà S, bà H, ông Đ đồng ý giao lại toàn bộ nhà và đất số 73, 75 cho bà M được toàn quyền quản lý, sử dụng và bà M hoàn trả cho bà Th, bà S, bà H, ông Đ bằng giá trị.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng bị đơn trình bày: Đề nghị tòa án công nhận sự tự nguyện hòa giải tại phiên tòa của các bên đương theo hướng giao toàn bộ tài sản nhà và đất số 73 và 75 tại thị trấn Ph cho bà Nguyễn Thị M sở hữu, sử dụng; Bà M thối lại bằng giá trị 700.000.000 đồng cho bà Th, bà S, bà H, ông Đ và thối lại 52.245.000 đồng cho ông Nguyễn Bá D; Án phí sơ thẩm mỗi bên chịu ½; Chi phí tố tụng bị đơn chịu toàn bộ, hoàn lại cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, trong đó: Nguyên đơn đồng ý nhận toàn bộ nhà và đất đang tranh chấp tại địa chỉ 73, 75 B, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định và đồng ý thanh toán lại cho các bị đơn số tiền 700.000.000 đồng, thanh toán cho người liên quan ông Nguyễn Bá D số tiền 52.245.000 đồng; Án phí sơ thẩm mỗi bên chịu ½; Chi phí tố tụng bị đơn chịu toàn bộ. Nhận thấy nội dung thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn được những người liên quan đồng ý và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác, việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với Điều 300 của BLTTDS năm 2015 nên đề nghị HĐXX phúc thẩm sủa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Bá D vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bà Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và các đồng bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất tại số nhà 73 đường B, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định có diện tích 28,3m^2 và sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất tại số nhà 75 đường B, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định có diện tích 137,7m^2. (Có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thối lại cho bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ bằng giá trị 700.000.000 đồng và thối lại cho ông Nguyễn Bá D bằng giá trị 52.245.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị nguyên đơn phải trả cho bị đơn để được sở hữu tài sản: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận mỗi bên chịu ½ (Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn nộp; Bà Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ liên đới chịu 16.000.000 đồng); Ông Nguyễn Bá D phải chịu 2.612.000 đồng theo mức giá trị phần tài sản ông D được chia là phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm 13.000.000 đồng các bên tự nguyện thỏa thuận bà Th, bà S, bà H, ông Đ chịu toàn bộ. Bà Th, bà S, bà H, ông Đ đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng, bà M đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên bà Th, bà S, bà H, ông Đ còn phải hoàn trả cho bà M 3.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy nguyên đơn và các đồng bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận của nguyên đơn và các đồng bị đơn được những người liên quan có mặt tại phiên tòa đồng ý và nội dung thỏa thuận không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác, việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 300 của BLTTDS năm 2015 nên HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án theo thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nên theo quy định khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng bị đơn trình bày: Đề nghị tòa án công nhận sự tự nguyện hòa giải tại phiên tòa của

các bên đương theo hướng giao toàn bộ tài sản nhà và đất số 73 và 75 tại thị trấn Ph, huyện T cho bà Nguyễn Thị M sở hữu, sử dụng; Bà M thối lại bằng giá trị 700.000.000 đồng cho bà Th, bà S, bà H, ông Đ và thối lại 52.245.000 đồng cho ông Nguyễn Bá D; Án phí sơ thẩm mỗi bên chịu ½; Chi phí tố tụng bị đơn chịu toàn bộ, hoàn lại cho nguyên đơn 3.000.000 đồng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị chấp nhận sửa bản án sơ thẩm theo hướng thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

1/ Bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất tại số nhà 73 đường B, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định có diện tích 28,3m^2 và sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất tại số nhà 75 đường B, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định có diện tích 137,7m^2. (Có sơ đồ kèm theo).

2/ Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thối lại giá trị cho bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ là 700.000.000 đồng.

3/ Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thối lại giá trị cho ông Nguyễn Bá D là 52.245.000 đồng.

4/ Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị M được miễn nộp. Hoàn trả cho bà M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp đồng theo biên lai thu số 0006494 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

- Bà Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ liên đới chịu 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Bá D phải chịu 2.612.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Th, bà S, bà H, ông Đ mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0007413, 0007412, 0007414 ngày 30/8/2022;

số 0007416 ngày 09/9/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T (bà Th, bà S, bà H, ông Đ đã nộp xong).

5/ Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm 13.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ tự nguyện chịu (đã nộp xong).

Bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Bá Đ còn phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M 3.000.000 đồng.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký và đóng dấu*)

Phan Minh Dũng